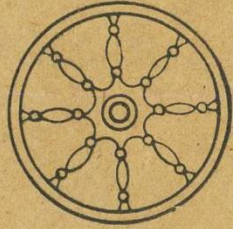


THERAVÁDA

THẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY



PATHAMAJHĀNACITTA

SƠ-THIỆN-TÂM

VANSARAKKHITA MAHĀTHERA

HỘ TÔNG

DỊCH GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN

P. L. 2.509

D. L. 1965

PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
THERAVĀDA

SƠ THIỀN TÂM
(PATHAMAJHĀNACITTA)

Dịch giả

TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG HỘ TÔNG
(VAÑSARAKKHITA MAHĀTHERA)

MỤC LỤC

SƠ THIỀN TÂM.....	3
<i>Jhānaṅga sampayoga (chi thiền hợp nhất hỗ trợ lẫn nhau)</i>	3
<i>Năm pháp cái</i>	6
<i>Nigamavaccana – Lời nói thêm</i>	7
<i>Tividhakalyāṇaṃ – Ba thiện pháp</i>	8
<i>Giải tóm tắt về javana (tốc lực tâm)</i>	10
<i>Quả báu của thiền định</i>	11
SỰ TÍCH VỀ PHÁP THÍCH HỢP (SAPPAYA).....	11
PHÁP HỘ TRỢ THIỀN ĐỊNH.....	16
PHẬT NGÔN.....	21

SƠ THIỀN TÂM

Tôi xin đề xuất Phật ngôn trong kinh Visuddhimagga để làm căn bản theo Pālī dưới đây:

“Etāvataṃ panesa viviceva kāmehi, vivicca akusalehi dhammehi savitakkam savicāram vivekajam pītisukham pathamajjhānam upasampajja viharati”.

Nghĩa: hành giả phải có tâm yên lặng, phải dứt dục tình, phải xa lìa các ác pháp, mới là người nhập sơ thiền, vì có suy, sát, phi, và an phát sanh từ sự tịch mịch, có thiền tâm là như thế.

Chú thích: sơ thiền có 5 chi (sau khi đã diệt được 5 pháp cái) là: vitakka: ... suy; vicāra: ... sát; pīti: ... phi; sukha: ... an; ekaggatā: ... định.

Sơ thiền, nói tóm tắt, cho thấy rõ là cần phải có tâm yên lặng khỏi dục tình, tránh xa dục tình v.v... Vì thế, các bậc trí tuệ có minh giải rằng: đặc sơ thiền là “các dục tình chẳng còn trong giờ hành giả nhập định” vì sơ thiền có đặc tính là dứt hẳn dục tình: dục tình là nghịch pháp của sơ thiền.

Vấn: thế nào là tâm yên lặng khỏi dục tình? *Đáp:* các dục tình là nghịch pháp của sơ thiền, hẳn thật. Có dục tình thì nhất định không có sơ thiền.

Dục tình và sơ thiền ví như tối tăm và ánh sáng: có tối thì không có sáng, có sáng thì không có tối. Đặc sơ thiền cũng vậy, nghĩa là có tối tăm tức là dục tình, thì không có ánh sáng tức là sơ thiền; khi có ánh sáng tức là sơ thiền, thì không có tối tăm tức là dục tình.

Dục tình và sơ thiền còn ví như bờ bên này và bờ bên kia. Người qua bờ bên kia là bỏ bờ bên này. Hành giả vượt đến bờ bên kia là đã bỏ hẳn bờ bên này, vậy.

Trong kinh “Vibhaṅga” Đức Phật có định nghĩa dục tình một cách bao quát rằng: chando: sự vừa lòng (trong dục tình) gọi là dục tình; rāgo: là lòng quyến luyến, ái mộ, thèm khát v.v... gọi là dục tình; chandarāgo: sự xúc động, cảm động, tình quyến luyến, gọi là dục tình; saṅkappo: sự chú tâm suy nghĩ về ngũ dục, gọi là dục tình; saṅkappārāgo: tâm ái mộ chú ý suy nghĩ trong dục tình, gọi là dục tình v.v... Tóm tắt lại, đó toàn là phiền não dục cả. Khi hành giả đặc thiền tâm, như đã giải, Đức Phật gọi có tâm yên lặng, khỏi dục tình.

Các pháp mà bậc sơ thiền đã trừ được có 5 là: **1)** abhijjhā: là tham lam, mong mỏi được của người hoặc – kamacchanda: là tâm kích thích, thèm khát, mong muốn vừa lòng v.v... Trong vatthukāma (vật dục) và kilesakāma (phiền não dục). **2)** thīnamiddha: hôn trầm lười biếng, đã dục. **3)** byāpāda: lòng oán ghét, ác tâm, ác cảm, tính làm tai hại kẻ khác. **4)** uddhaccakukkucca: không để ý, xao lãng, quên lãng, phóng tâm, khó chú về đề thiền. **5)** vicikicchā: hoài nghi, lòng không tin chắc.

Jhānaṅga sampayoga (chi thiền hợp nhất hộ trợ lẫn nhau)

Chi thiền phát sanh ra trong sơ định có 5 là:

1) Vitakka: suy, là chú ý suy nghĩ một đối tượng thiền định, đó là về chánh tư duy. Nếu mình giảng cho thấu đáo thì vitakka là có sự chú tâm về đối tượng thiền định, là đặc tính (abhiniropanalakkhana): có tánh cách thu nhập tâm vào đối tượng thiền định là sự (āhananapariyāhananaraso). (Vì thế Đức Phật có giảng rằng: hành giả hằng đem đối tượng đến bằng vitakka); có tánh cách dẫn tâm an trụ trong đối tượng là quả (ānayanappaccupaṭṭhāna).

2) Vicāra: sát, là xem xét đối tượng tức là “*arammañānumajjalakkhaṇo*” có sự vượt ve trau dồi thường thường đối tượng cho sáng sủa là đặc tính “*sahajātānuyojanaraso*” có sự nương lẫn nhau thường thường cùng với các pháp phát sanh đồng thời trong cảnh giới của đối tượng thiền định là sự “*anuppabandhanappaccupatṭhāno*”. Có sự buộc thắt thường thường cái tâm cho khẩn khít trong đối tượng thiền định là quả.

Chú thích: *vitakka* (suy) và *vicāra* (sát) ví như tiếng chuông mà được phát âm là nhờ nương nơi người đánh, vì nếu không có ai đánh thì không phát âm được; cái dùi ví như *vitakka* sự phát âm ví như *vicāra*, hơn nữa suy với sát còn có thể ví như điều loại bay giữa không trung, đập cánh muốn bay, rồi xoè cánh bay rề rà qua lại giữa không trung: *vitakka* ví như điều loại đập cánh muốn bay lên không trung; *vicāra* như điều loại xoè cánh bay rề rà qua lại giữa trời. Lại có thể ví suy và sát cũng như loài ong hằng nút nhụy hoa, thường bay đến đáp trên hoa sen, bay nhìn xem rồi đáp, banh búp hoa ra nút nhụy của hoa sen: *vitakka* cũng ví như loài ong bay đến đáp ngay hoa sen. *Vicāra* như loài ong bay ngắm hoa sen.

3) *Pīti*: (phi) khiến thân và tâm no vui, theo đặc tính là: “*sampiyayalakkhaṇo*” có sự no vui¹ là đặc tính. “*Kāyacittapīnanaraso*” khiến thân và tâm hấp thụ pháp lý, là sự “*udagghappaccupatṭhānā*” có sự nở nang của tâm là quả².

Pīti: (phi) nếu chia theo tâm vui thích có 5 là: *khuddakāpīti*: sự vui chút ít, vừa làm cho mọc óc (rõn óc); *khaṇikāpīti*: sự vui chốc lát, thấy như điện chớp trong mắt; *okantikāpīti*: sự vui như sóng đánh vào bờ rồi tan; *ubbengāpīti*: sự vui có sức mạnh làm cho thân cao lên; có khi cho bay bổng lên không gian; *pharanāpīti*: sự vui mát mẻ cả châu thân.

Sự thích: thầy Mahā Tissa ngụ trong chùa Puṇṇavallika, lúc nọ thầy đi đến sân Tháp bảo gần chùa, nhằm ngày rằm, được thấy ánh sáng vàng trắng, thầy nhìn ngay đến Tháp bảo rồi nghĩ rằng: Ôi! Giờ này tứ chúng dẫn nhau lễ bái Tháp bảo đây mà, rồi phát sanh *ubbengāpīti* nhờ niệm hiệu Phật, khiến thầy bay bổng lên không gian, bay đến ngồi tại sân Tháp bảo tức khắc.

Một tích nữa: có một cô gái trong làng Vattakāla gần chùa Girikandaka. Cô gái đó bay bổng lên không gian, do *ubbengāpīti*, nhờ niệm hiệu Phật. Cha mẹ cô trước khi dẫn nhau đến chùa để nghe Pháp trong buổi tối, có nói rằng: “Này con! Cha và mẹ đi nghe Pháp tại chùa, con chớ nên đi đâu, vì là ban đêm, con còn trẻ tuổi đi bất tiện, để cha mẹ nghe rồi đem phần phước về cho con, con ở giữ nhà, cha mẹ đi, nghe con!”. Cô gái dù là muốn theo cha mẹ đi chùa thái quá, song cũng chẳng dám cãi lời, phải buộc lòng ở nhà. Vì rất mong mỏi, cô gái ra đứng nơi lang can nhìn xem ngay Tháp bảo đã tạo trên đỉnh núi, gần chùa Girikandaka. Dưới ánh sáng mặt trăng, cô được thấy đèn của thiện tín thấp để cúng dường Tháp bảo. Tứ chúng đang lễ bái, dâng hoa cúng Tháp bảo, đi nhiễu Tháp bảo, rồi ngồi nghe pháp, ngay lúc ấy, cô gái bèn nghĩ “Ôi! Đại chúng họ rất hữu phước, thật rất hân hoan thỏa thích”. Cô gái chỉ nghĩ bấy nhiêu *ubbengāpīti* phát sanh nơi cô tức tốc, cô liền bay bổng đến ngay chỗ Tháp bảo trên đỉnh núi đó. Cô đến đó trước khi cha mẹ cô đến, cô gái bèn lễ bái Tháp bảo rồi ngồi nghe Pháp, chừng đó cha mẹ cô mới đến, trông thấy con mình, liền hỏi rằng: “Này con! Con theo đường nào mà đến mau như thế?” Cô gái đáp: “con đến theo đường không gian không phải đi theo lộ thường như mẹ cha đâu, cho nên mau như vậy”. Mẹ cha cô khen ngợi rằng: “Này con! Chỉ có bậc A-la-hán mới có thể đi trên không trung được, vì sao, con lại nói đi theo không gian”. Cô thưa: “Nhờ phi lực có sức mạnh phát sanh đến con, khi con đang nhìn xem Tháp bảo theo ánh sáng mặt trăng, con không biết thân,

¹ “No vui” tức là sự thỏa thích no lòng.

² là tình trạng của thân và tâm đầy đặn, tươi tắn nổi lên.

con ngòi hay đứng, thành linh bay bổng lên không trung, do tâm niệm hiệu Phật tự nhiên, được đến sân Tháp bảo”.

Ubbengāpīti, khi đã phát sanh hằng làm cho thân bay bổng lên không gian, như thế.

Pharanāpīti: phát sanh lên mát mẻ, thấm thấu khắp cả thân thể, như bong bóng mà người bơm gió đầy vậy. Nên hiểu rằng: trong 5 pīti chỉ có phi lạc thứ 5 là có sức mạnh phi thường hơn 4 phi lạc trên; phi lạc này kể vào chi thiền thứ 3.

Khi phi lạc đã trú vững trong tâm và được củng cố, do năng lực luyện tập trong tâm thức thì phát sanh passadhi (an tĩnh) là thân yên lặng (kāyapassadhi) và tâm yên lặng (cittapassadhi). Nếu 2 an tĩnh ấy đã đầy đủ củng cố thì sanh 3 loại thiền: khanikāsamādhī: (tạm định) sự duy trì tâm an trú trong đối tượng thiền định được chốc lát; upacārasamādhī: (cận định) sự duy trì tâm cho trú trong đối tượng thiền định được thêm sức mạnh gần nhập định; appanāsamādhī: (nhập định) tâm trú vững khắng khít trong sắc thiền.

Đây chỉ cho thấy rõ 5 phi lạc một lần nữa là: trong 5 phi lạc pharanāpīti (phi lạc thứ 5) khi đã sanh rồi có trạng thái căn bản trong thiền định, thêm sức mạnh dẫn cho nhập định. Phi lạc này là chi thứ 3 của thiền định. Cả 5 phi lạc như đã giải tóm tắt, nếu đã phát sanh trong tâm rồi hằng làm cho tâm vui thích, tươi tỉnh trong các thiện pháp.

4) Sukha: (an) là sự yên vui của thân và tâm có thể đào bứng cội nguồn, tức là trừ khỏi bệnh trong thân, làm cho thân được trở nên khoẻ khoắn, gọi là an lạc.

Về sự vui thích, an tâm, có Pāli rằng: “tamsātalakkhaṇam”: chỉ về sự vui thích là đặc tính; “tamsampa yuttanam upabruhanarasam”: có sự tăng gia kết hợp pháp là sự; “anuggahappaccupattānam” có sự hộ trợ cho an lạc khắng khít là quả.

Lại nữa, khi các pháp ấy (pīti và sukha) động phát sanh cùng nhau, không lìa nhau, trong nơi nào cũng vậy thì phi lạc là vui thích đối tượng có trong nơi nào, an lạc cũng có trong nơi ấy. Song an lạc có trong nơi nào, phi lạc không nhất định hẳn có trong nơi ấy, vì phi lạc kể vào trong hành uẩn (saṅkhārakhandha); an lạc thuộc thọ uẩn (vedanākhandha). Thí dụ như vậy: bộ hành đi đường xa khát nước, thành linh gặp một người từ xa đi lại ngay đường đi, bèn kêu hỏi rằng: Anh ôi! Nơi nào có nước, anh? Tôi đang khát nước lắm, xin tội nghiệp chỉ dùm cho tôi.

– Jātassaro navasande atthi: có hồ sen tại giữa rừng sâu, anh hãy ráng đi, độ chừng vài trăm thước sẽ tới.

– Hatthappahaṭṭho: được nghe người nói như thế, bộ hành đó liền phát tâm vui thích và cố đi theo đường ấy mong mau đến hồ sen; đi dần dần được thấy hoa sen và lá sen rải rác theo đường đi.

– Sutthutaram hatthappahaṭṭho: người ấy càng thỏa thích, đi chút nữa, được gặp nhiều người vừa lên khỏi hồ, y phục còn ướt nhèm, có cả tiếng chim đa đa, quốc v.v... Kêu rầm trong rừng, thấy hồ có cây sum sê theo bờ hồ. Dưới hồ đầy hoa sen, nước trong trẻo, người bộ hành rất hoan hỷ phấn chấn xuống hồ tắm và uống nước được tùy thích, ăn sen, bẻ hoa trang sức, xong lên thay quần áo rồi nằm nghỉ khoẻ, dưới bóng cây có gió thổi hiu hiu mát mình lấy làm hứng thú và tự thốt rằng: Aho sukham! Aho sukham! Vui sướng thật! Vui sướng thật!

Phi lạc ví như người đi đường xa thiếu nước ấy, được thấy nghe tiếng chim kêu lẫn tiếng người nói, cho đến khi thấy nước trong hồ; còn an lạc thì ví như người đi đường thiếu nước được xuống hồ uống nước và tắm cho đến lúc nằm nghỉ dưới bóng cây, như thế.

Thí dụ khác: Người đi đường xa thiếu nước, khổ sở, bị trời nóng nực, thêm đói khát, ví như hành giả bị tình dục, sân, si làm cho bức rức khó chịu do 3 tà tư duy. Người được chỉ

đường đi đến hồ sen ví như vitakka, đang khởi niệm đối tượng thiền định. Chỗ nói người cố gắng đi theo đường đến hồ sen vừa đi vừa niệm, ví như vicāra, vì hành giả tinh tấn niệm niệm đối tượng thiền định cho sáng sủa. Sự kiện thấy hoa sen và lá sen rãi rác giữa đường, phát tâm vui thích, ví như phi lạc còn non; sự kiện thấy nhiều người được tắm rồi lên đi, có cả y phục ướt nhèm, cùng nghe tiếng loài chim líu lo cho đến lúc được thấy nước trong, người bộ hành càng hân hoan; sự kiện ấy ví như hành giả có phi lạc mạnh; còn sự kiện người hăng hái xuống hồ tắm và uống nước cho đến khi được giải lao, ví như hành giả có tâm yên lặng; chỗ người được ăn sen và bẻ hoa sen để trang sức, ví như hành giả đắc an lạc. Và sự kiện người lên khỏi hồ thay y phục, cho đến khi nói “Aho sukham! Aho sukham!” Sung sướng thật! Sung sướng thật!” ví như hành giả đắc định.

5) Ekaggatā: trạng thái nhất tâm, hoặc tâm đã đến bậc định, hay là tâm an trú trong một cảnh giới. Lại nữa, trạng thái của tâm chỉ có một mũi nhọn. Ekaggatā có sự trú vững trong một đối tượng là đặc tính, chi thứ 5 của thiền định gọi là nhất tâm. Năm chi thiền hằng giúp đỡ lẫn nhau như vậy.

Vitakka: (suy) là tình trạng đem tâm suy nghĩ đối tượng. Vicāra: (sát) là tình trạng theo trau dồi đối tượng cho trong sạch sáng sủa. Pīti: (phi) khiến các pháp phát sanh đều nhau; cho kết hợp nhau. Sukha: (an) là pháp làm cho phi tăng gia. Phi và an hỗ trợ lẫn nhau. Ekaggatā: (nhất tâm) cố gắng hộ trợ các pháp (tức là giúp). Vitakka đem tâm để trong đối tượng, cho vicāra trau dồi đối tượng, cho pīti hưởng thọ đối tượng, khiến cho sukha trú vững trong đối tượng. Bậc hiền minh nên hiểu rằng trạng thái của thiền định gồm có đủ 5 chi ấy thì định cũng phát sanh; cho nên có đủ 5 chi thiền gọi là định. Bậc hiền minh phải phân biệt cho nhớ rằng: sơ thiền chỉ có 5 chi mà thôi.

Trong upacārajhāna (cận định) cũng có 5 chi (suy, sát, phi, an và định) nhưng chưa cứng cáp, chỉ có sức mạnh hơn thường thôi.

Còn 5 chi trong sơ thiền (suy, sát, phi, an và định) có sức mạnh phi thường hơn, mới gọi là upanājhāna (nhập định) nghĩa là khi đã niệm suy và sát được chân chính đứng đắn rồi thì phi và an hỗ trợ lẫn nhau cho toàn thân thể thấm thấu. Vì thế, đức Chánh Biến Tri dạy rằng: toàn thân thể tứ chi của hành giả thấm thấu phi lạc và an lạc phát sanh từ sự vắng lặng. Chi thứ 5 là nhất tâm được trú vững trong một đối tượng (trọn đêm cũng có).

Năm pháp cái

- 1) Kāmacchanda: tham dục, là tâm quyến luyến trong vật dục và phiền não dục.
- 2) Byāpāda: oán giận, tâm mong làm cho hư hoại sự lợi ích và hạnh phúc của người.
- 3) Thīnamiddha: hôn trầm, biếng lười, đã dười.
- 4) Uddhaccakukkucca: phóng tâm, xao lãng, hối hận.
- 5) Vicikicchā: hoài nghi, không tin chắc, không quyết định.

Đó là 5 pháp cái (che lấp)

Vấn: Che lấp cái chi? Đáp: Che lấp, ngăn trở các thiện pháp, không cho thiện pháp phát sanh và khiến chúng ta phải quây cuồng theo ác pháp, cho nên cần phải dứt trừ hẳn pháp cái đó, đừng để trong tâm.

Nên hiểu rõ và phân biệt ác pháp và thiện pháp như vậy:

Loại ác pháp: 1) kāmacchanda là nghịch pháp của ekaggatā; 2) byāpāda là nghịch pháp của pīti; 3) thīnamiddha là nghịch pháp của vitakka; 4) uddhaccakukkucca là nghịch pháp của sukha; 5) vicikicchā là nghịch pháp của vicāra.

Sự thật là không phải ác pháp, mà chỉ là đối nghịch của thiện pháp; thiện pháp cũng là đối nghịch của ác pháp vậy. Vì thế Đức Phật dạy rằng chi thiện nhất là vitakka cũng là đối nghịch của pháp cái. Vitakka là pháp ngăn rào, đánh đuổi trừ diệt pháp cái nhất là kāmaccanda không cho nhập vào tâm.

Có Pāli trong Tam tạng rằng: Samādhī kāmaccandassa patipakkho, pīti byāpādassa vitakko, thīnamiddhassa sukho uddhaccakukkucassa. Vicāro vicikicchāya. Nghĩa: samādhī (định) là đối nghịch của kāmaccanda (tham dục) vì tham dục chỉ tính thu thập rāga (tình dục); pīti (phi) là đối nghịch của byāpāda (oán) vì oán là pháp gom góp điều bất bình uất ức trong tâm. Vitakka (suy) là đối nghịch của thīnamiddha (hôn) vì hôn là mê loạn bất tỉnh, dã dượi, biếng lười; vitakka khiến tâm suy nghĩ theo lẽ phải, đem tâm về trong thiện pháp; sukha (an) là đối nghịch của uddhaccakukkucca (phóng tâm); sukha có tâm vui sướng khiến thân tâm được yên tĩnh. Vicāra (sát) là đối nghịch của vicikicchā (ngĩ), vicāra có trạng thái đưa đến trí tuệ do sự quan sát, tra dồi đối tượng cho sáng sủa cho có đức tin chắc, hết nghi ngờ.

Bản đồ về chi thiện là đối nghịch của pháp cái như vậy:

- 1) Vitakka là đối nghịch của thīnamiddha
- 2) Vicāra vicikicchā
- 3) Pīti byāpāda
- 4) Sukha uddhaccakukkucca
- 5) Ekaggatā kāmaccanda

Nói tóm lại là ác thiện là đối nghịch lẫn nhau.

Nigamavaccana – Lời nói thêm

Tâm của hành giả phát sanh được là do năng lực của 4 hay 5 javana (tốc lực tâm), nghĩa là tâm sanh từ sơ tốc lực tâm (parikammajavana); cận tốc lực tâm (upacārajavana).

Tiếng nói do năng lực của 4 hay 5 tốc lực tâm là chỉ về tốc lực tâm của hai hạng người: đến căn (khippābhīññā puggala) và tiệm căn (dandhābhīññā puggala). Nếu hành giả có sát na tâm giác ngộ mau lẹ thì gọi là khippābhīññā puggala, bậc này chỉ có 4 tốc lực tâm là cận tốc lực tâm, thuận. Nếu là hạng người có sát na tâm độn, giác ngộ lâu thì gọi là dandhābhīññā puggala; hạng này có 5 tốc lực tâm là sơ tốc lực tâm parikammajavana, cận tốc lực tâm (upacārajavana), thuận tốc lực tâm (anulomajavana), gotrabhūjavana và nhập định tốc lực tâm (appamājavana).

Hành giả có đầy đủ 4 hoặc 5 tốc lực tâm như vậy gọi là đắc định bởi đã dứt được 5 chi ác pháp “pahānaṅga” (chi phải dứt) tức là tham, oán, hôn, phóng và nghi, và được phát sanh đủ 5 chi thiện là: suy, sát, phi, an và định.

Nếu chia theo trạng thái thiên định thì có 3 là: khanikasamādhī: (tam định); upacārasamadhi: (cận định); 3) appanāsamādhī: (nhập định). Nhập định thì tâm trú vững hơn cận định, đó là bởi kháng khí trong sạch nhờ gotrabhūjavana,³ trong sạch vượt khỏi dục giới hay kiên cố trong Sắc giới, yên lặng, khỏi Dục giới ra khỏi dục cảnh.

Sơ thiên có 5 chi, nếu cả 5 chi phát sanh đầy đủ thì gọi là “jhānaṅgasampayogo” (chi thiên hợp nhất hộ trợ lẫn nhau). Sơ thiên có 5 chi đầy đủ như thế hằng có năng lực hạ địch thủ, tức là 5 pháp cái đến tan tành, tán bại. Do đó, gọi là 5 chi thiên là đối nghịch của pháp cái.

³ Tốc lực tâm vượt khỏi vòng phàm.

Vấn: Nếu để 5 pháp cái trong tâm thì tham thiền được chăng? Vì tâm chúng ta đang say mê ngũ dục, hằng trú trong pháp cái làm thế nào mà bỏ được. Đáp: Không sao tham thiền được, vì pháp cái là nghịch pháp của thiền định song lúc thiếu trí nhớ tâm tưởng đến vật vừa lòng, nhìn nhận: sắc thính, hương, vị, xúc là thích ý, lúc ấy kāmaccanda vào ngay; thiền định thoái bộ lập tức; đã có phi nhưng nếu quên mình thì byāpāda liền phát sanh làm cho bất bình khó chịu, khiến phải mất ngay; vitakka đang suy nghĩ tìm thiện pháp mà trí nhớ tắt, sự không vui thích thoái chuyển tīnamiddha nhập liền, thì vitakka tan mất. Sukha cũng có trong tâm nhưng quên mình thì avūpasama (không an tĩnh) kéo uddhaccakukacca vào tức khắc, sukha phải xa lánh, vicāra xem xét tra dò đối tượng cho sáng sủa; nhưng quên mình thì ayonisomanasikāra (không lưu tâm) đem vicikicchā nhập vào vicāra liền thoái bộ. Vì thế, nên gọi là thiền định nghịch hẳn với pháp cái.

Chúng ta, hàng Phật tử hằng ghét khổ mong vui, không thích tội ưa phước nên phải cố gắng thiêu đốt, đè nén, bài trừ các ác pháp, không cho chúng cất đầu nhập và tâm được. Vì 5 pháp cái có nước tâm rất độc ác, có chúng thì thiện pháp không thể trú vững. Chúng đón ngăn không cho thiện pháp vào và hay rước ác pháp nhập tâm.

Xin giải cho thấy rõ nước của tâm như sau: **1)** kāmaccanda: (tham dục) có nước tâm u ám, ví như nước hoà với các màu; **2)** byāpāda: (oán) có nước tâm nóng, ví như nước đang sôi; **3)** tīnamiddha: (hôn) ví như nước có bèo bọt trên mặt; **4)** uddhaccakukucca: (phóng tâm) ví như nước bị gió thổi gợn sóng; **5)** vicikicchā: (ngghi) ví như nước đục để trong nơi tối.

Nếu nước tâm không thanh tịnh, biến cải theo các pháp cái thì chúng ta đâu có soi thấy thiện pháp được hoặc không có thể quan sát phân minh vô thường, khổ não và vô ngã. Nếu nước mà hoà với các màu sắc, không sao soi thấy rõ mặt trắng hay đen được, khi pháp cái nhất là tham dục vào phần nhiều thì không phân biệt được tội phước tà chánh. Lẽ thường, tâm chưa bị ác pháp nhập, hằng có hào quang, song khi bị ác pháp vào làm bận rồi liền trở nên đục. Vậy nên có Phật ngôn rằng: Pabhassabamidam bhikkhave! Cittam tañca kho bhikkhave āgantukohi upakkilesehi upakkilittam. Nghĩa: này các thầy tỳ khuru! Tâm có hào quang tia sáng, nhưng bởi phiền não nhập vào, hào quang mới tan, thành mờ tối âm u. Này các thầy tỳ khuru! Đó cũng như các vật dụng, nhất là y phục còn mới, đều có màu trắng sạch, song các vật ấy hoá ra dơ bẩn, vì bị bụi hoặc than lấm vào thành vật không sạch.

Tividhakalyānam – Ba thiện pháp

Sơ thiền có 3 pháp trong phần đầu, phần giữa và phần cuối là: **1)** patipavāvisuddhi ādi: sơ thiền có tánh cách trong sạch là thiện pháp chặn đầu; **2)** upekkhānubrūhanā majjhe: sơ thiền có pháp xả là thiện pháp chặn giữa; **3)** sampahamsamā pariyosanam: sơ thiền có sự sung sướng là thiện pháp chặn cuối cùng.

Dasalakkhanasampannam

Sơ thiền có đầy đủ 10 đặc tính, phân phối trong chặn đầu, giữa và chót của 3 thiện pháp trên đây.

- Paṭipadāvisuddhi: thiện pháp chặn đầu có 3 đặc tính là: **1)** tatocittamvisujjhati: tâm trong sạch khỏi sự nguy nan⁴; **2)** majjhimaṃ samatha nimittam patipajjati: tâm đi ngay đến thiền định là thiện pháp chặng giữa⁵; **3)** tatthacittam pakkhandati: tâm hằng nhảy đi trong nimitta đó, vì trạng thái tâm đó đã đi ngay tới rồi.

⁴ Vì tâm đã đi theo 4 hay 5 tốc lực, lìa pháp cái rồi.

⁵ Vì tâm không còn bị pháp cái ngăn che nữa, đã trong sạch nên đi ngay đến thiền định được dễ dàng.

- Upekkhānubrūhanā: thiện pháp chặng giữa của sơ thiền có 3 đặc tính là: **1)** visuddham cittaṃ ajjupekkhati: hành giả nhìn thấy tâm trong sạch⁶; **2)** samathappaṭipannaṃ ajjupekkhati: hành giả nhìn thấy tâm đi đến thiền định rồi; **3)** ekattupatthānaṃ ajjupekkhati: hành giả nhìn thấy tâm an trú rõ rệt, là nhất tâm chỉ có một cảnh giới.

- Sampahaṃsanā: thiện pháp chót của sơ thiền có 4 đặc tính là: **1)** tatta jātaṇaṃ dhammaṇaṃ anativattanaṭṭhena sampahaṃsanā: sự hội hợp các pháp sanh trong sơ thiền, phát tâm sung sướng (do sự tụ hội của các pháp không rời rạc nhau); **2)** indriyāni ekarasatthēna sampahaṃsanā: tâm sung sướng vì các căn chỉ có một phận sự; **3)** tadupagavīriyavāhanaṭṭhena sampahaṃsanā: tâm sung sướng có tính cách đem đến sự tinh tấn vừa với các căn; **4)** āsevanatthēna sampahaṃtanā: tâm sung sướng có cách tiếp xúc mật thiết với các căn.

Chú thích: theo ý nghĩa Pālī của Phật ngôn trên đây là: tâm nhất tri, gọi là lướt đến sự trong sạch, bằng cách tiến hành, gọi là phát triển bằng pháp xả, gọi là có tâm hoan hỷ, bằng trực giác.

Trong 40 đối tượng có: 3 bhāvanā (niệm) là: parikamma bhāvanā, upacarabhāvanā, appanābhāvanā; 3 nimitta (triệu chứng) là: parikammanimitta, uggahanimitta, paṭibhāganimitta; 3 samādhi (thiền định) là: parikaṃsamādhi, upacārasamādhi, appanāsamādhi, như sẽ giải dưới đây:

- 3 bhāvanā (niệm) là: **1)** niệm còn yếu sức, là hành giả tưởng nhớ đến đối tượng chưa được vững (như niệm đất: pathavī đất, pathavī đất...) mãi mãi, nhìn xem đối tượng niệm pathavathavī đất...⁷ gọi là parikammabhāvanā; **2)** niệm có sức mạnh đặc uggahanimitta là khi mở mắt thấy đất, như thế nào, nhắm mắt cũng thấy như vậy, gọi là upacarabhāvanā; **3)** hành giả niệm đề nén được hẳn 5 pháp cái gọi là appanābhāvanā hay là nhập định.

- 3 triệu chứng là: **1)** hành giả dùng đất làm đối tượng, tinh tấn niệm mãi mãi gọi là parikammanimitta; **2)** hành giả niệm được kháng khí, thấy rõ trong tâm, biết rõ bằng tuệ nhãn như được thấy rõ bằng mắt, gọi là uggahanimitta; **3)** từ uggahanimitta, hành giả tinh tấn niệm niệm uggahanimitta đó, đến khi uggahanimitta trở nên trong sạch, vắng lặng phát sanh rõ rệt trong tâm, gọi là paṭibhāganimitta.

Parikammanimitta và uggahanimitta phát sanh trong 40 đối tượng thiền định. Về paṭibhāganimitta chỉ có trong 22 đối tượng là 10 kasina, 10 asubha, 1 anāpānassati và 1 kāyakatāsati⁸.

- 3 samādhi (thiền định) là: **1)** hành giả chú tâm niệm niệm đối tượng thiền định gọi là parikammasamādhi; **2)** hành giả tinh tấn niệm niệm không phóng túng, tâm gần nhập định gọi là upacārasamādhi; **3)** hành giả chú ý kiên cố niệm niệm cho đến khi tâm an trú vững gọi là appanāsamādhi.

Lại nữa, hành giả cố gắng tinh tấn niệm 1 trong 40 đối tượng thiền định, cho đến khi được phát sanh các đức tánh, chỉ đến bậc upacarabhāvanā hoặc upacārasamādhi được gọi là kāmāvacarakammaṭṭhāna (tâm đeo níu hoặc phiêu lưu trong Dục giới) nếu hơn đó nữa thì đặc appanābhāvanā hoặc appanāsamādhi được gọi là rūpāvacarakammaṭṭhāna (thiền tâm phiêu lưu trong Sắc giới).

⁶ Vì không còn phải bận tâm trau dồi nữa.

⁷ Khi nhắm mắt chưa thấy rõ rệt.

⁸ Xem trong phép chánh định.

Giải tóm tắt về javana (tốc lực tâm)

Javana dịch là tốc lực tâm.

Vấn: Hành giả đắc sơ thiền (phàm) có bao nhiêu tốc lực tâm? Đáp: hành giả đắc phàm thiền, tâm đi theo 4 hoặc 5 tốc lực.

Hành giả đắc phàm thiền đi theo 4 hoặc 5 tốc lực tâm khác nhau. Nếu hành giả là khippābhinnā⁹ thì đi theo 4 tốc lực, vì có somanassavedanā (hoan thọ)¹⁰. Nếu hành giả chỉ có 4 tốc lực, thì hành giả được giác ngộ lập tức. Nếu hành giả thuộc dandhābhinnā¹¹ thì theo 5 tốc lực có upekkhāvedanā (xả thọ), đó là hạng giác ngộ chậm chạp. Vì thế, thiền mới có 2 ý nghĩa hợp với 2 hạng người như thế.

Hành giả khippābhinnā có tâm trạng hoan thọ đắc thiền catukkanaya (loại thiền có 4 ý nghĩa); dandhābhinnā có tâm xả đắc thiền pancakkanaya (loại thiền có 5 ý nghĩa).

Vấn: Xin giải cho thấy rõ: hành giả dồn căn với hành giả tiêm căn, khác nhau thế nào, trong khi nhập thiền? Đáp: Hành giả dồn căn và tiêm căn có khác nhau ở chỗ anulomajavana trong khi nhập định.

Vấn: Thế nào gọi là parikamma, upacāra, anuloma, gotrabhū, appanā? Đáp: Kāmāvacana: (tâm phiêu lưu trong cõi Dục, mở đầu quan sát tìm định gọi là “parikamma”. Tâm vào cận định gọi là “apacāra”. Tâm hành theo parikamma tốc lực và appanā tốc lực gọi là “anuloma”; tâm đè nén parittagotra tức là cõi Dục, rồi nhảy vào đến định gọi là gotrabhū, tâm hội hợp các pháp cho khắng khít trú trong đối tượng gọi là appanā, là tâm an trú hẳn trong cảnh giới” (thiền định).

Vấn: Sơ thiền “11” là thế nào? Đáp: sơ thiền “11” không phải là chi thiền đầu vì chi thiền chỉ có 5 mà thôi. Nhưng chi sơ thiền “11” đó là chỉ về tâm trạng. Vì tâm có 11 trạng thái là: tâm trạng trong Dục giới có chia thành: 1 kusala (thiện), 1 vipāka (quả), 1 kiriyā (hành), thành 3, lấy 8 lokuttaracitta (xuất thế tâm) là: 4 maggacitta (đạo tâm) và 4 phalacitta (quả tâm) là 8 cộng thành 11, tức là 11 tâm trạng thành tựu trong sơ thiền.

Vấn: Trong sơ thiền có tiếng gọi là kāmasaññanirodha là thế nào? Đáp: tiếng kāmasaññanirodha chỉ về thời tâm mà hành giả nhập định; hành giả đó hằng có tâm vắng lặng khỏi kāmasañña tức là không còn tưởng đến dục tình nữa.

Vấn: Vitakka: (suy) thuộc tâm sở gì? Có bao nhiêu tâm? Vicāra (sát) thuộc tâm sở gì? Sanh trong mấy tâm? Pīti thuộc tâm sở gì? Sanh trong mấy tâm? Ekaggatā (nhất tâm) thuộc tâm sở gì? Sanh trong mấy tâm? Đáp: Vitakka là pakinnaka cetasika (tâm sở rải rác), sanh trong 54 tâm, là trong 54 tâm dục giới, lấy 10 tâm dvipañcaviññāna ra, còn 44, lấy 11 tâm sơ thiền tức là 3 rūpava cārapathamajjhāna, 8 lokuttarapathamajjhāna thành 55:44+11=55, là hơi sanh của vitakka cetasika.

Vicāra là pakinnake cetasika giống nhau sanh trong 66 tâm, là 55 tâm sanh trong vitakka, lấy 3 tâm trong nhị thiền và 8 xuất thế, nhị thiền thành 66 tâm, là nơi sanh của vicāra cetasika.

Pīti (phỉ) là pakkiññakacetasaika sanh trong 51 tâm, nghĩa là trong 121 tâm, trừ 70 tâm (là 2 domanassa, 55 upekkhā, 2 kāyaviññāna, 11 tâm tứ thiền là 70); 51 tâm, còn lại là nơi sanh của pīticetasika.

⁹ Dồn căn là nói hành giả thành đạo quả tức tốc.

¹⁰ Thọ vui.

¹¹ Tiêm căn là hành giả thành đạo quả chậm.

Sukha (an) lấỵ vedanā là sabbacitta sādհāranacetāsika là nơi sanh trong 89 tâm hoặc 121 tâm.

Ekaggatā (nhất tâm) là sabbacittasādհāraṇa cetāsika sanh trong 89 tâm hoặc 121 tâm.

Quả báu của thiền định

Xin giải tóm tắt về quả báu của thiền định, như dưới đây:

1) Được yên vui trong hiện tại, được nhiều hạnh phúc, thân tâm phi thường: nghĩa là không có điều gì làm cho tâm bối rối, lờ mờ, u ám, tức giận, khó chịu vì 5 pháp cái, (thương, ghét, lười biếng, phóng tâm, nghi). Tâm hằng trong sáng, yên lặng, mát mẽ, nhẹ nhàng, thơ thới, tươi tỉnh, thông minh.

2) Phát sanh trí tuệ: nghĩa là khi tâm an trụ rồi thì có sự hiểu biết, có thể soi thấu nhân quả theo chân lý có tình trạng như vui (không động). Hành giả có khả năng nhận rõ các vật trong nước được.

3) Có thể đắc lục thông (abhiñña) (thông minh xuất chúng) là sự hiểu biết cao siêu, về phần thể gian có 5 là: hiện thân thông¹² nhãn thông, nhĩ thông, túc mạng thông, sanh tử thông.

4) Được sanh trong cõi vui (nếu cận định) thì sẽ sanh trong Dục giới thiên; (nhập định) sanh trong Sắc giới và Vô sắc giới.

Về phần quả báu thấp của thiền định, là có tâm định cho thành tựu các thiện pháp, vì người có tâm định (từ phi thứ 5 sắp lên cận định hằng có tâm lực, như giọt nước chảy ngay một đường không có chi trở ngại).

– Dứt sơ thiền tâm tóm tắt bấy nhiêu –

SỰ TÍCH VÀ PHÁP THÍCH HỢP (SAPPAYA)

Phương pháp, chính đốn cho thông tuệ đề mục cho kiên cố chơn chánh, cần phải có pháp thích hợp, cần thiết, nếu thiếu sót thì khó được kết quả. Các pháp thích hợp đó sẽ làm cho hành giả được thực tiến tấn hoá dễ dàng.

Pháp thích hợp của chi thông tuệ đề mục có nhiều loại, đây chỉ giải về 4 chi trọng yếu mà đức giáo chủ đã giảng thuyết: 1) thực phẩm thích hợp; 2) pháp thích hợp; 3) tịnh thất thích hợp; 4) người thích hợp.

Nếu thiếu 1 trong 4 pháp thích hợp đó, thì khó được kết quả mỹ mãn, bằng có đủ đều, quả báu sẽ mau được thành tựu như nguyện.

Theo sự tích dưới đây:

Một thuở nọ có nhóm tỳ khuru ngụ tại Kỳ Viên tịnh xá, tính đi nào rừng để hành pháp thiền định, bèn rủ nhau cả thầy được 60 vị, rồi dẫn lại từ giã đức Giáo chủ và cầu xin nghe pháp. Sau khi đã thọ giáo và sắp đặt xong, tất cả 60 vị rời khỏi tịnh xá. Trãi qua châu này, quận nọ, đến làng Mātikagāma. Sáng ra, các ngài đồng cùng nhau vào xóm khát thực. Có một bà đại phú gia trong làng đó, thấy bậc tu hành, có hạnh kiểm chơn chánh, liền phát tâm trong sạch, bà bèn yêu cầu thỉnh về nhà, dâng cúng trai tăng rồi bạch hỏi rằng:

– Bạch, các ngài mong mỗi đi đâu?

¹² Thân thông: hiện ra nhiều thân khác.

– Chúng tôi tìm nơi thích hợp để tu thiền.

Bà chủ làng Mātikagāma hiểu ngay rằng chư tăng đây đi tìm nơi để nhập hạ, mong bỏ tấc pháp yên lặng chơn chánh. Bà bèn quỳ bạch rằng: Nếu chư đại đức vừa lòng an trú trong làng này, cho đến ra hạ, tôi xin nguyện làm người hộ pháp và xin quy y thọ ngũ giới cùng bát quan trai giới nơi các ngài.

Chư tăng bàn cùng nhau rằng: Nếu chúng ta được nương nơi tín nữ có đều đủ đức tin như vậy, thì không có sự khó khăn về vật dụng, và được dịp tu hành giải thoát. Đồng ý nhau rồi, bèn nhận lời thỉnh cầu.

Bà chủ làng đó rất hài lòng, dạy người quét dọn phước xá cho sạch sẽ, vừa cho các bậc xuất gia cư trú, cho các ngài được an cư nhập hạ theo ý muốn. Khi chư sư đã ngụ được yên vui rồi, ngày nọ hội họp, tính cùng nhau rằng: cá bạn thương yêu này! Chúng ta chẳng nên cầu thả, vì 8 đại địa ngục mở rộng chờ rước chúng ta, nếu sơ hốt, dễ duôi, chắc chắn, chúng ta sẽ có sự ăn năn hối hận. Lại nữa, đề mục thiền định, chúng ta đã học nơi Đức Phật rồi. Lệ thường, Đức Phật không thương xót kẻ khoắc lác, khoe khoan dầu cố gắng theo dõi bên chân Ngài cũng vô ích. Ngài chỉ tế độ người thực hành chánh pháp thôi. Vậy chúng ta chẳng nên hờ hững hãy chú tâm chuyên cần, bổ sung Sa-môn pháp.

Một vị khác đề khởi rằng: “Chúng ta nên hành thế nào?” Vị nữa đề nghị: Phải hành như vậy mới thanh cao; chúng ta phải tách nhau, ở riêng một mình, chẳng nên nằm, ngồi, đứng, đi chung cùng nhau, dù là hai người trở lên, vì khi gặp nhau thường hay luận bàn những chuyện vô ích, phần nhiều là nói sang đàng, mất thì giờ hành đạo. Chúng ta nên gặp nhau trong khi cần thiết, như lúc đau ốm thôi. Vậy chúng ta lập qui tắc như vậy: từ đây chỉ gặp nhau trong: thời buổi sáng, chiều mát; thời đi khất thực; thời các bạn có bệnh. Ngoài ra, nên tránh, phải ngụ trong rừng; bỏ tấc thông tuệ đề mục một mình, chẳng nên ở chung hai người trong một chỗ, trừ phi, khi có bệnh phải tựu hội lại để săn sóc lẫn nhau.

Sau khi đã đồng ý, tất cả 60 vị đều ngụ riêng một mình trong nơi thanh vắng, là phương pháp tu hành rất chơn chánh.

Ngày nọ bà tín nữ vào phước xá, trong buổi chiều, cho người đem các thuốc ngừa bệnh, như nước thốt nốt, đường, nước mía để dâng đến chư tăng (sư). Thấy phước xá vắng tanh, trống không, chẳng có một vị đại đức nào, bà ngạc nhiên, bèn hỏi người giữ phước xá, họ thưa rằng: chư đại đức đi ngụ trong rừng, mỗi vị mỗi nơi riêng biệt.

– Làm thế nào mới gặp được các ngài?

– Thưa bà, không khó, cho người đánh kiếng thì các ngài sẽ hội họp tại đây.

Bà tín nữ nghe lời liền dạy người đánh kiếng. Khi nghe tiếng kiếng chư đại đức cho rằng có bạn tỳ khưu nào bệnh, nên lập tức tề tựu tại phước xá. Bà tín nữ thấy mỗi vị từ riêng đường mà đến, bà lấy làm kinh ngạc nghĩ rằng: “Có lẽ chư sư đã, chắc chắn, cãi cọ nhau, hoặc bất bình”. Khi chư tăng đã vào ngồi yên trong phước xá, bà bèn đem dâng cúng thuốc ngừa bệnh, các ngài thọ đều đủ, rồi bà Mātā mới bạch hỏi: Tôi xin lỗi chư đại đức vì làm cho các ngài nghe kiếng mà phải đến trong nơi đây, và tôi có tâm hồ nghi rằng: có lẽ chư đại đức có điều chi không vừa lòng, hoặc bất bình cùng nhau, nên mỗi vị ở riêng mỗi nơi.

Ngài đại đức trưởng, giải cho bà chủ Mātā hiểu rõ, do chư sư đồng ý muốn thực hành pháp thông tuệ đề mục cho bà hết nghi ngờ. Bà chủ Mātā bạch rằng:

– Đề mục đó chỉ để riêng cho chư đại đức hành, chúng tôi là hàng phụ nữ có thể tu được chăng?

– Bà có đức tin hành theo cũng được, pháp của đức Thế Tôn không chọn chủng tộc, bất phân giai cấp, người nào có đức tin trong sạch rồi, đều thực hành được cả.

“Sādhu”, bà đại tín nữ tỏ lời hoan hỷ, rồi xin học đề mục nơi chư đại đức. Trước hết học 32 bộ phận thân thể, quán tưởng sự tiêu hoại của ngũ uẩn, cho đến đều đủ mọi lẽ. Tiếp theo bà đại tín nữ, cần chuyên hành đề mục đã học được, không bao lâu bà đạt đến đạo quả A-na-hàm, đắc 4 pháp phân tích và lục thông nữa, trước chư tỳ khuru.

Khi bà đại tín nữ đã đắc thánh quả rồi, mới xem xét các tỳ khuru, bằng nhãn thông rằng: Chư đại đức của mình đã đắc đạo quả bậc nào rồi? Bà tự hiểu rằng chưa có vị nào đắc cả, cho đến nhập định cũng chưa được, rồi điều tra thêm nữa, biết rằng: Tất cả đại đức đều có duyên lành đạt đến A-la-hán quả, song, do có nào, lại không đắc đạo quả tối cao? Bà đại tín nữ mới tìm thêm cho thấy rõ các điều chướng ngại trong:

- Senāsanasappāya: chỗ ở thích hợp, vừa được yên vui chăng? Bà hiểu rằng: vừa rồi, chỗ ngụ được thích hợp chơn chánh rồi.
- Dhammasappāya: pháp, tức là đề mục thiền định đang thực hành là điều thích hợp, nghĩa là vừa đủ điều kiện chăng? Bà cũng hiểu rằng: pháp đã thích hợp chơn chánh rồi.
- Puggalasappāya: người, tức là vị sư hoặc bạn tu hành cùng nhau có thích hợp, nghĩa là vừa với khí chất chăng? Hay trái nghịch, có sự mong mỏi tốt đẹp với nhau chăng? Bà cũng rõ rằng: người cũng đã được thích hợp chơn chánh rồi.
- Āhārasappāya: thực phẩm vừa đến bậc xuất gia dùng, vừa đến hành giả, để duy trì thân thể cho sức khoẻ, vừa với sự hành đạo, là điều thích hợp, đều đủ chăng? Bà cũng hiểu rằng: còn chưa thích hợp, chưa vừa đều đủ. Cách chỉnh đốn cho thông tuệ đề mục, sẵn dành cho chư tăng đây, không thích đáng, trở ngại trong sự thật hành thông tuệ đề mục. Vì bất cứ là trong việc nào, nếu thực phẩm không đều đủ, là điều chướng ngại, cho công việc phải khó khăn hoặc chậm trễ.

Khi bà đại tín nữ được hiểu bằng nhãn thông như vậy, sáng ra bà sốt sắn dạy người lo sắp đặt thực phẩm có nhiều mùi vị khác nhau, cho vừa miệng mỗi ngài, vừa khí chất của chư tỳ khuru, rồi đem đến phước xá, khoản đãi các ngài và yêu cầu rằng: Chư đại đức vừa với thực phẩm nào xin chọn dùng theo khí chất, rồi từ đó bà lo dọn thực phẩm vừa theo tính chất của các ngài, cho người đem dâng cúng theo thời.

Khi chư tỳ khuru được đều đủ 4 điều thích hợp rồi, hành thiền trong ba tháng hạ, đều đạt đến A-la-hán quả, đủ cả 60 vị. Các ngài nhớ tưởng đến đức của bà đại tín nữ rất nhiều “đáng đền đáp”. Bà đại tín nữ này tốt phi thường, làm cho bà thành nơi nương nhờ của chúng ta để đạt đến thánh quả tối cao, nếu chúng ta ở một mình, khổ vì thiếu thực phẩm, ắt sẽ hư hỏng đạo quả, đáng mong mỏi chắc chắn”.

Đến kỳ ra hạ, bèn tính cùng nhau đi lễ Phật, rồi dọn dẹp chỗ ngụ cho có trật tự, các ngài đồng nhau từ giã bà đại tín nữ trong làng. Bà đại tín nữ Mātā đi đưa đến trước nhà, bạch tỏ nhiều lời đáng cảm hoài, đến tiếng cuối cùng rằng: “Nếu có thì giờ, cầu xin thỉnh chư đại đức đến thăm tôi”.

Chư tỳ khuru về đến kinh đô Sāvatti rồi, vào đánh lễ đức Giáo chủ, bạch tường thuật về sự bỏ túc thông tuệ đề mục cho đến khi được kết quả, cho Ngài rõ đều đủ, cho đến sự được bà đại tín nữ khuyến khích chơn chánh, cũng bạch hết cho Phật chuyển nhượng phúc báu (anumodanā). Trong lúc đó, thầy tỳ khuru Cittagutta cũng vào ngồi nghe 60 vị tỳ khuru bạch cho Phật hay về lòng tốt phi thường của bà đại tín nữ Mātā cả và đức tha tâm thông của bà biết hộ bậc tu hành vừa theo khẩu giục. Càng nghe càng thoả thích, thầy nghĩ rằng: “Nếu quả thật như vậy, ta cũng nên tìm đến đó để hành đạo, đừng bỏ qua dịp tốt. Rồi quỳ bạch xin học đề mục thiền định nơi đức Giáo chủ, xong, xin từ giã đi một mình, đến làng bà đại tín nữ Mātā.

Khi vào đến phước xá, ngài Cittagutta nghĩ rằng: có tin đồn rằng bà đại tín nữ Mātā làng này có tha tâm thông, ngày nay ta đi đường xa rất mỗi mệt; nếu phải quét dọn tịnh thất nữa, ắt sẽ thêm sự mệt nhọc, làm thế nào hả! Bà đại tín nữ cho người đến tiếp giúp quét dọn phước xá cho ta với”. Bà đại tín nữ, ở nhà rõ biết tâm suy nghĩ của đức Cittagutta bèn sai người đến quét dọn phước xá, theo ý muốn của ngài. Đức Cittagutta khát nước, vì sự mỗi mệt đi đường, rồi nghĩ rằng: “Thế nào ta được nước hoà tán với nước thốt nốt, chanh để giải khát”. Bà tín nữ cũng cho người đem tới dâng theo ý muốn. Đức Cittagutta nghĩ nữa rằng: “Sáng này xin cho bà tín nữ dâng cháo, cơm, đồ nấu cho vừa miệng.” Bà tín nữ cũng bảo người ở đem thực phẩm dâng như ý nguyện. Ngài Cittagutta dùng cháo rồi nghĩ nữa rằng: “Ta mong dùng các món nhai ăn, xin cho bà tín nữ gọi đến”. Bà chủ Mātā cũng tinh tấn gọi dâng món đó. Ngài không nghĩ tới, thì bà tín nữ cũng không cho người đem đến dâng. Bà tín nữ muốn biết, coi các bậc Thánh văn của đức Thế Tôn nghĩ tưởng đến đâu.

Trong nơi cuối cùng, đức Cittagutta muốn biết rõ bà Mātā, nghĩ rằng: “Tín nữ này tính tốt phi thường, có đức tin, có nước tâm tốt, dạy người đem những vật cần dùng đến dâng vừa ý muốn đều đủ, thế nào há, ta sẽ gặp tín nữ, xin cho tín nữ đến gặp ta, cả và người đem thực phẩm ngọt ngon đến dâng nữa”. Bà tín nữ nghĩ rằng: “Nay ngài đại đức cần thấy ta, mong cho ta đến phước xá” bèn dạy người đem thực phẩm có hương vị theo bà đến phước xá, dâng cúng đến ngài Cittagutta.

Đức Cittagutta hỏi rằng: cô đại tín nữ, cô là Mātā của làng này phải chăng?

- Phải rồi ngài.
- Cô biết tâm của kẻ khác chăng?
- Bạch ngài hỏi làm gì?
- Vì thấy cô sắp đặt làm các món đủ thứ; cho người đem dâng cúng, theo ý muốn, nên Atmā mới hỏi.
- Bạch, những bậc tu hành cũng rõ biết tâm người vậy.
- Atmā không hỏi đến kẻ khác, chỉ cần hỏi ngay một mình cô thôi.

Bà tín nữ đáp lời tránh khéo léo rằng: “Bạch ngài, lẽ thường người có tha tâm thông, tự nhiên làm được như vậy”.

Đức Cittagutta nghĩ xa rằng: điều này rất xấu xa. Lẽ thường phạm nhơn tự nhiên nghĩ tưởng điều này, lẽ nọ, nhứt là hay tính suy về đường tội lỗi không ngừng nghĩ, bà tín nữ này sẽ làm cho ta hư mình, như bắt kẻ trộm giữa toà án. Vậy ta nên mau trốn lánh cho khỏi, tốt hơn. Định rồi, bèn tỏ lời từ giã bà tín nữ Mātā rằng: “Xin cho cô tín nữ hãy được yên vui, Atmā xin từ giã”.

- Ngài đi đâu?
- Đi đánh lễ đức Giáo chủ.
- Nếu tiện xin thỉnh ngài trở lại nữa, xin yêu cầu trước.
- Atmā ở không được, xin cho Atmā đi khỏi nơi này.

Đức Cittagutta nói vừa dứt lời, bèn đứng dậy đi liền, quay mặt ngay chùa Kỳ Viên. Về đến bèn vào hầu Phật, đức Giáo chủ hỏi rằng:

- Cittagutta, có sao người vợ trở về, không ở đó?
- Không có thể ở được, bạch Phật.

– Do có nào, Cittagutta?

Đức Cittagutta bạch rằng:

– Tín nữ chủ làng đó, người tốt phi thường thiệt, theo lời nói của 60 vị tỳ khuru đã bạch. Bạch Phật, tôi nghĩ điều chi, cô tín nữ đều biết cả. Tính rằng: tôi nghĩ quấy cũng có, cô tín nữ cũng rõ, làm cho tôi mất giá trị, như họ nắm đầu kẻ trộm có đồ quả tang. Có đó, tôi ở không được, phải trở về.

– Cittagutta, người ở trong nơi đó đi. Phật khuyến khích bằng lời từ bi.

– Bạch Phật, tôi phải ráng hết sức mình.

– Nếu như vậy, người nên gìn giữ một cái, được chăng Cittagutta?

– Bạch Phật, gìn giữ cái chi?

– Tâm, chỉ gìn giữ một cái tâm của người thôi, phải gắng gìn giữ.

Đức Phật chỉ giáo thêm nữa rằng: Cittagutta, tâm sanh diệt mau lẹ, phần nhiều buông thả theo sự mong mỏi, nếu luyện tập được là điều rất chơn chánh. Tâm được dạy dỗ chơn chánh rồi, sẽ đem đến nhiều hạnh phúc. Khi Phật khuyến khích thầy Cittagutta cho phát đức tin kiên cố, trong sự tu tập, theo nẻo thông tuệ đề mục chơn chánh rồi phán rằng: “Đi, đi, Cittagutta, đi ngụ trong nơi đó, là chỗ có đủ điều thích hợp, đáng đến sự thực hành của người, hãy cố gắng tiến triển đề mục, đừng nghĩ tưởng điều chi ở ngoài”. Đức Cittagutta thọ giáo rồi, lại từ giã đức giáo chủ trở lại làng Mātā nữa.

Bà tín nữ Mātā ngồi nghỉ trong nhà, vừa thấy đức Cittagutta đi đến phước xá, bà hiểu rõ, biết ngay rằng: Ông sư của mình đã có hạnh kiểm chơn chánh được thọ chánh giáo, chú tâm đến chơn chánh, nay đi đến rồi, bằng sự tấn hoá. Bà tín nữ hết lòng hoan hỷ, dạy người lo thực phẩm dâng đến vị đại đức Cittagutta mãi mãi. Cho đến những việc khác, bà tín nữ cũng sốt sắn không bỏ qua. Bà thường lo cho ngài, hằng được yên vui trong 4 vật dụng đều đủ.

Đức Cittagutta được thực phẩm thích hợp, bèn chuyên cần hành đạo thông tuệ đề mục không bao lâu, đạt đến A-la-hán. Quả theo ý nguyện, nhờ nương ngụ trong nơi có đủ điều thích hợp tại làng Mātā như vậy.

PHÁP HỘ TRỢ THIÊN ĐỊNH

Trích trong kinh vua Milaṇḍā vấn đạo

– 5 chi¹³ của loài gà: **1)** giờ còn tối, nó chưa đi kiếm ăn; **2)** vừa sáng nó mới đi tìm thực phẩm; **3)** khi đi kiếm, nó dùng chân bươi trước, rồi mới ăn; **4)** ban ngày mắt nó sáng, thấy rõ những gì được phân minh, song ban đêm, mắt lại tối, như mù; **5)** khi bị người đánh đuổi, không cho vào chuồng, nó không bỏ chuồng nó. Trên đó là 5 chi của gà.

Bậc tu hành mong đắc đạo quả phải thực hành theo 5 đức tính là: **1)** sáng sớm quét chỗ ngủ và sắp đặt các vật dụng theo thứ tự, đi tắm cho sạch, lễ bái Tam bảo và các bậc trưởng thượng; **2)** sáng bạch mới đi khát thực; **3)** trước khi ăn, nên quán tưởng theo Phật ngôn đã dạy người thọ thực, nên quán tưởng cho thấy như người ăn thịt con, trong khi lỡ đường thiếu vật thực; **4)** mắt không mù, làm như mù, là không nên thương, ghét, như lời đại đức Mahākaccāyana đã nói: Có mắt sáng, làm như mù. Có tai nghe rõ, làm như điếc. Có lưỡi nói được, làm như câm. Có sức khoẻ, làm như mệt mỏi. Khi hữu sự thì im lặng, làm như người chết; **5)** khi làm hoặc nói, không nên bỏ trí nhớ, và sự biết mình: như gà không bỏ chỗ ở vậy. Người hành đạo, cần phải thực hành như trên, mới có thể đắc đạo quả được.

– 2 chi của loài cọp: **1)** hằng ăn trong nơi thanh vắng, chờ bắt thú làm thực phẩm; **2)** thú bị nó chụp, nếu sa bên trái, nó không ăn.

Người hành đạo cũng phải có 2 chi như loài cọp là: **1)** khi ngụ trong nơi thanh vắng, tham thiền, quán tưởng cho đắc lục thông, cũng như lời các thánh nhân đã nói: cọp hằng núp để chờ chụp thú ăn thịt, thế nào, hàng Phật tử cũng nên hành như vậy, là vào ngụ trong thanh vắng, bỏ khuyết pháp thiên định và thông tuệ, để đạt đạo quả cuối cùng; **2)** không thọ thực phát sanh theo tà mạng, như cọp không ăn thịt thú sa bên tả, như lời của đức Xá Lợi Phất rằng: nếu tôi thọ cơm sữa mà tôi xin sái phép, tôi sẽ bị các bậc hiền minh chê trách; dù ruột tôi có tuôn ra đến chết, tôi cũng vui lòng chịu, tốt hơn.

– 5 chi của loài rùa: **1)** hằng ngụ và phiêu lưu trong nước; **2)** chìm trong nước, lộ đầu ra thấy vật chi, liền đắm xuống nước, không cho ai thấy; **3)** khi lên khỏi nước, không thấy chi, thì phơi mình nơi bờ sông, bãi biển; **4)** bươi đất ẩn mình ở nơi vắng; **5)** khi bò đi, nếu thấy người hoặc thú, hay được nghe tiếng thì rút ngũ chi (chân, tay, đầu) vào mai để giữ mình.

Người hành đạo nên có 5 đức tính như rùa là: **1)** nên rãi tâm bác ái, mong cho chúng sanh, được nhiều lợi ích không làm khổ, không làm hại, không gây oán thù, chú tâm trong tứ vô lượng tâm; **2)** khi phiền não phát sanh, nên đè nén, nhận chìm trong thiền, để niệm đề mục khẳng khít, không cho phiền não quấy nhiễu được; **3)** dẫn tâm ra khỏi sự đứng, đi, ngồi, nằm nên chôn trong đề thiền, pháp tứ chánh cần; **4)** không mong lợi và lời ca tụng, rồi ngụ trong chỗ vắng, như lời của đại đức Upasana Vangantaputta rằng: Tỳ khuru nên ngụ trong chỗ xa sự huyên náo; **5)** khi lục căn hướng về ngũ dục nên đóng cửa, tức là chế ngự lục căn, là người có trí nhớ và biết mình; toạ thiền, như Phật ngôn rằng: tỳ khuru nên chế dục không cho tham, sân, tà kiến phát sanh, có tâm yên lặng, như rùa rút tay, chân, đầu vào mai nó vậy.

– 2 chi của loài quạ: **1)** quạ là loài hay sợ điều nguy hiểm, hằng phòng giữ mình trong khi phiêu lưu, thế nào, người hành đạo cũng phải lo sợ điều tội lỗi, có trí nhớ kiên cố, chế ngự lục căn trong 4 oai nghi, như thế ấy; **2)** khi quạ được thực phẩm chi cũng kêu gọi bọn nó đến cùng ăn với nhau.

¹³ Chi: là cái nguyên ở một vật thể chia ra.

Bậc hành đạo cũng nên thực hành như thế.

– 2 chi của loài khi: **1)** khi thường ngụ trong nơi thích đáng, trên nhánh cây to, có cành nhỏ và lá sum sê, để ngăn ngừa tai hại; **2)** khi nương nơi cây nào; thì ngụ trong nơi cây ấy cho đến sáng.

Người hành đạo nên có 2 đức tính: **1)** người tinh tấn tu hành, cũng thế, phải nương tựa với chân sư, bạn lành, bậc có hồ thẹn tội ác, và có giới đức tôn kính, thương yêu, có đủ thiện pháp; **2)** người hành đạo, cũng phải thoả thích trong nơi rừng vắng, đi, đứng, ngồi, nằm trong rừng ấy, thường niệm đề thiên và minh sát, như đức Xá Lợi Phất có nói: Tỳ khuru kinh hành đi, đứng, ngồi, nằm trong rừng thanh vắng như vậy đáng cho Đức Phật ngợi khen.

– 3 chi của hoa sen: **1)** hoa sen hằng sanh và nở nảy trong nước; **2)** khi lên khỏi nước thì nổi trên mặt nước; **3)** dù bị gió thổi chút ít, cũng đu đưa, lung lay.

Người hành đạo cũng phải có 3 đức tính là: **1)** người không quyền luyến thân nhân, lợi quyền, lời ca tụng v.v...; **2)** phải đè nén pháp thế gian, rồi nổi trên pháp xuất thế; **3)** phải trừ khử các phiền não, dù là chút ít, như Phật ngôn rằng: tỳ khuru có sự lo sợ trong những tội lỗi, phải thọ trì giới luật cho chơn chánh.

– 2 chi của hạt giống:

1) dù là ít, nhưng khi gieo trong ruộng phì nhiêu và thường có nước xuống, hạt giống ấy sẽ đâm mọc, nảy nở nhiều hoa, sai quả; **2)** khi gieo xuống ruộng, rồi nắng vun quét, thì hằng nở nang mau chóng.

Hành giả phải có 2 đức tính là: **1)** phải có giới cho thân và khẩu được chơn chánh là nhân đem đến nhiều kết quả, sẽ được thọ sanh làm người cao sang, hoặc lên cõi trời, để gieo duyên lành trong Niết-bàn; **2)** hãy chú tâm hành “tứ niệm xứ” quán tưởng cho thấu chân lý, cho tâm yên lặng và phát sanh trí tuệ, là nhân sanh quả thanh cao mau chóng, như đức Anurudha có nói rằng: hạt giống đã gieo trong ruộng phì nhiêu, hằng nảy nở nhiều hoa sai trái, thế nào, tâm hành giả đã luyện tập chơn chánh rồi, tâm thường phát triển như thế ấy, tức là tứ niệm xứ.

– 1 chi của người lao động: người lao động tốt, hằng nghĩ rằng người đòi làm công việc chi mong được nhiều của, như vậy, ta không nên cầu thả, không nên lười biếng.

Hành giả cũng vậy, phải xét rằng: khi ta quán tưởng thân tứ đại, thì không nên bơ phờ, phải có trí nhớ mãi mãi, có tâm kiên cố, ta chắc sẽ được thoát ly khổ não, như đức Xá Lợi Phất có nói rằng: các ông hãy phân biệt thân tứ đại cho thường, khi đã nhận rõ rồi, sẽ đoạn tuyệt thống khổ được.

– 5 chi của biển: **1)** hằng không lẫn lộn với thủy thi; **2)** hằng duy trì các bảo vật; **3)** hằng chung lộn với các thủy tộc to, lớn; **4)** dù nước chảy đến bao nhiêu, biển cũng không tràn ngập; **5)** không bao giờ đầy tràn, bằng nước chảy đến từ tứ phương.

Người hành đạo nên bỏ khuyết 5 đức tính là: **1)** không trộn lộn với tội lỗi; **2)** đắc đạo quả cao quý và Niết-bàn rồi giấu kín; **3)** phải nương theo bậc phạm hạnh, có nhiều đức tính; **4)** không phạm giới và tiếp xúc các vật vừa lòng như Phật ngôn rằng: đại hải hằng gần đây tràn nước, dù Thịnh văn đệ tử của Như Lai cũng không vi phạm điều học, dù là bị hại; **5)** dù là thánh pháp cũng chẳng biết no như Phật ngôn rằng: bậc hiền minh nghe thiện ngôn không biết thoả mãn, ví như lửa cháy cỏ hoặc cây vậy.

– 5 chi của địa cầu: **1)** kẻ nào lấy vật thơm hay thối, liệng xuống đất, đất vẫn lãnh đạm; **2)** không trang sức mà nó vẫn có mùi; **3)** vật không có lỗ, không có hỏ, đầy đặc, rộng lớn; **4)** dù chịu đựng cây núi, cũng không ngã lòng phản đối; **5)** không thương ghét cái chi tất cả.

Hành giả phải có đủ 5 chi, giống như địa cầu là: **1)** không nên quan tâm đến vật vừa lòng và không ưa thích; **2)** không trang sức nhưng vẫn có mùi thơm, tức là giới hương của mình; **3)** phải trì giới cho tinh khiết, không có giới vá, giới rỏ; **4)** không chán nản trong sự bỏ khuyết các thiện pháp; **5)** không thương, không ghét, có tâm vô tư trong 4 oai nghi.

– 5 chi của nước: **1)** là vật trong sạch; **2)** là vật mát mẻ; **3)** làm đồ dơ trở nên sạch; **4)** là vật mà phần đông cần dùng; **5)** không đành để vật vô ích.

Người hành đạo cũng phải có 5 đức tính như nước là: **1)** người có hạnh kiểm tốt; **2)** gồm có tâm nhẫn nại và bác ái; **3)** nên là người không tranh biện; **4)** nên là người ít mong muốn, là người mà quần chúng ao ước; **5)** người không làm nghiệp dữ bằng thân, khẩu, ý.

– 5 chi của lửa: **1)** hằng thiêu huỷ cỏ, cây, nhánh, lá; **2)** không thương xót vật nhiên liệu; **3)** hằng trừ sự lạnh; **4)** hằng không có sự vui thích; **5)** hằng diệt cảnh tối tăm.

Người hành đạo, nên có 5 đức tính như lửa là: **1)** phải cố gắng thiêu huỷ phiền não bằng lửa, tức là trí tuệ; **2)** không nên thương hại phiền não; **3)** phải nhúm lửa, tức là sự tinh tấn để khử trừ cho tuyệt phiền não; **4)** không nên có sự thương, ghét, thường hay chế ngự trong 4 oai nghi; **5)** phải diệt tối tăm, tức là vô minh, như Phật ngôn dạy đức Rāhulā rằng: người hãy niệm luôn đề mục lửa, thì các pháp ác chưa sanh sẽ không có, đã sanh rồi cũng sẽ không đè nén tâm người được.

– 5 chi của gió: **1)** hằng thổi rung hoa, cây, cho thơm quay trở lại trong rừng; **2)** hằng thổi cho cây tróc gốc; **3)** hằng thổi trên không gian; **4)** hằng vuốt ve mùi thơm; **5)** không rõ rệt có trong nơi nào.

Người hành đạo phải có 5 đức tính, như gió là: **1)** hoan hỷ trong cảnh giới có hoa, cây, tức là sự giải thoát; **2)** quán tưởng ngũ uẩn, búng nguồn gốc các phiền não; **3)** phóng tâm cho thấm trong xuất thế pháp; **4)** vuốt ve mùi, tức là giới đức của mình; **5)** phải là người không thương tiếc, không quyến luyến, như có Phật ngôn rằng: sự sợ sanh từ nơi thương yêu, bụi sanh từ chỗ ở, người không có chỗ ở, thương tiếc, là nhân chỉ cho biết đó là bậc trí tuệ.

– 5 chi của vàng trắng: **1)** hằng chiếu sáng từ trăng lưỡi liềm; **2)** là tinh tú rất to lớn; **3)** hằng tỏa hào quang trong ban đêm; **4)** có dinh thự là cờ hiệu; **5)** dân gian hằng mong mặt trăng tỏa hào quang thường thường.

Hành giả cũng phải có 5 đức tính như mặt trăng là: **1)** phải có sự tăng gia trong các thiện pháp; **2)** phải có sự vừa lòng là trọng yếu; **3)** phải là người vắng lặng; **4)** phải là người có giới đức là cờ hiệu; **5)** khi có ai thỉnh, thì đến nhà họ, theo ý muốn, như Phật ngôn rằng: tỳ khưu vào nhà người, như mặt trăng, đừng dạn dĩ, là người khách mới trong nhà họ.

– 7 chi của mặt trời: **1)** hằng đốt nước cho khô cạn; **2)** hằng trừ vệt tối tăm; **3)** hằng soi đời mỗi ngày; **4)** có ánh sáng quy định; **5)** đốt chúng sanh cho kiệt sức; **6)** sợ A-tu-la vương (nhật thực, nguyệt thực); **7)** chiếu cho thấy rõ chỗ dơ, nơi sạch.

Người hành đạo phải có 7 đức tính như mặt trời là: **1)** phải đốt phiền não cho khô cạn, chớ để dư sót; **2)** phải trừ tối tăm, tức là tình dục, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến; **3)** phải thường quan sát kỹ càng; **4)** phải có cảnh giới quy định; **5)** phải làm cho chúng sanh được tiến triển bằng thiện pháp; **6)** thấy người mắc trong lưới, tức là phiền não, thì thương hại, xót dạ vì lo sợ, tức là phiền não; **7)** phải thuyết 37 phần pháp bồ đề, (bodhipakkhiya dhamma) cho thấy rõ, như đại đức Vāṅgisa thera có giảng rằng: Tỳ khưu pháp sư hằng khiến quần chúng bị vô minh che án, cho thấy các pháp, như đường đi mà được mặt trời soi sáng vậy.

– 3 chi của đức Đế Thích: **1)** ngài chỉ no lòng bằng hạnh phúc; **2)** ngài là chúa của Chư thiên và ca tụng Chư thiên, cho phát tâm hoan hỷ; **3)** ngài không có sự chán nản.

Hành giả phải có 3 đức tính như đức Đế Thích là: **1)** phải no lòng bằng sự vui phát sanh từ sự yên lặng của thân và khẩu; **2)** không cho ngã lòng thất vọng; **3)** không nên chán nản trong nhà thanh vắng, như đức Subhūti Thera có nói: bạch Phật tôi xuất gia theo Phật, tôi không biết quyền luyện ai cả.

– 4 chi của đức Chuyên luân vương: **1)** ngài hằng tế độ quần chúng bằng 4 pháp tế độ (saṅgahavatthu); **2)** bọn cướp không sao ỷ núp trong lãnh thổ của ngài được; **3)** ngài kiểm soát việc lành, dữ và dẫn dắt nhân dân theo dấu chân ngài; **4)** ngài là giám đốc, chỉnh đốn chánh trị vương quốc, có sự chế độ, bảo vệ cả phía trong và phía ngoài.

Hành giả cũng phải như vậy, là: **1)** phải làm cho phần khởi tâm của tứ chúng khuyến khích họ cho hoan hỷ trong thiện pháp; **2)** không cho 3 tà tư duy ỷ náu trong tâm, như Phật ngôn rằng: người ưa thích trong pháp yên lặng, là người có trí nhớ, niệm đề thiên bất tịnh (từ thi) bằng được trừ diệt thông khổ; **3)** phải kiểm soát luôn thân, khẩu, ý, như Phật ngôn rằng: nên quán tưởng thường thường rằng: ngày đêm hằng qua khỏi, vậy ta sinh tồn thế nào?; **4)** phải ngăn ngừa các phiền não bên trong, bên ngoài, như Phật ngôn rằng: này các thầy tỳ khưu chư Thánh Thinh văn, là hàng có trí nhớ, như người giữ cửa, dứt ác pháp, khiến thiện pháp được tăng gia.

– Chi của loài mối: Mối hằng tha đất làm gò, rồi ỷ mình trong gò mối, phiêu lưu đi tìm ăn.

Người hành đạo cũng vậy: Phải làm vật che đậy, tức là chế ngự giới và che tâm đừng cho phóng túng, phải đi khát thực như Phật ngôn rằng: người tinh tấn hằng hạn chế tâm, thì thường khỏi điều lo sợ.

– 2 chi của loài mèo: **1)** khi ngụ trong nhà hoặc đi đến bông cây v.v... hằng chỉ mong tìm chuột, mà thôi; **2)** thường tìm ăn nơi kế cận.

Người hành đạo cũng phải có 2 đức tính, giống như mèo là: **1)** khi vào rừng hoặc dưới bóng cây, hay trong nhà thanh vắng, phải là người không cầu thả, phải tìm thực phẩm, tức là đề mục niệm Phật mà thôi; **2)** thấy sự sanh diệt của ngũ uẩn trong 4 oai nghi, như Phật ngôn rằng: khi người quán tưởng ngũ uẩn hiện tại, thì hằng chán nản thân ngũ uẩn của mình được.

– Chi của loài chuột: lệ thường loài chuột đi đến nơi đây, nơi kia cũng vì tìm thực phẩm.

Người hành giả tinh tấn cũng vậy. Khi đi đến đây, đến kia, cũng phải quan sát kỹ càng, nhất là tìm thiện pháp, có thân, khẩu, ý yên lặng, có trí nhớ luôn khi.

– 5 chi của loài voi: **1)** khi phiêu lưu trong rừng, hằng phá hoại đất; **2)** không xoay mình, chỉ xem ngay phía trước; **3)** không ở yên một chỗ, đi tìm ăn ở nơi nào, ngủ ở nơi ấy; **4)** xuống thì mong xuống dưới nơi hồ sen to lớn; **5)** đỡ chân lên cũng có trí nhớ, để chân xuống cũng có trí nhớ.

Người hành đạo, phải có 5 chi như voi là: **1)** phải quán tưởng thân thể để phá hoại các phiền não; **2)** không liếc xem phía sau, không chọn phương hướng, chỉ xem chung quanh mình một tầm cây ách (2 thước); **3)** không có chỗ ở nhất định, không thương tiếc, trải đi đến nơi nào vừa lòng thì ngụ nơi ấy, không mến tiếc chỗ ở; **4)** niệm tứ niệm xứ, có trạng thái như ao sen đầy nước, tức là pháp thanh cao, tinh khiết, chan chứa hoa sen, tức là sự giải thoát, thấm tháp bằng tứ niệm xứ; **5)** có trí nhớ và biết mình trong 4 oai nghi, như Phật ngôn rằng: sự chế ngự thân, khẩu, ý là chân chánh, chế ngự được chu đáo là chân chánh; người có sự hổ thẹn, được chế ngự như thế, Như Lai gọi là người đã huấn luyện mình được.

– 7 chi của loài sư tử: **1)** là thú đứng đấng sạch sẽ, không ô uế; **2)** trải đi cách khoan thai; **3)** thân hình có vẻ ngay thẳng, tốt đẹp; **4)** không cúi chào thú nào, dù là phải chết; **5)** tìm thực

phẩm theo thời, gắp thịt ở nơi nào, thì ăn cho no ở nơi đó, không chọn ngon, dở; **6)** không tích trữ thực phẩm; **7)** không được ăn cũng không phiền não, được cũng không mừng quýnh và không ăn quá no.

Người hành đạo cũng phải có 7 chi như loài sư tử: **1)** phải có tâm tinh khiết, không buồn bã vì cảnh giới bất hợp; **2)** có tứ như ý tức là pháp trải đi; **3)** có hình thể ngay, tức là giới tinh khiết; **4)** không cúi chào ai, vì bị mất hoặc hư hỏng 4 vật dụng; **5)** được thực phẩm tùy thời, không chọn vật ăn, được nơi nào, thọ thực nơi đó, chỉ dùng để duy trì sinh mệnh mà thôi; **6)** không tích trữ vật dụng để dành; **7)** không được thực phẩm cũng không lo sợ, được cũng không vui mừng, quán tưởng rồi mới thọ thực, như có Phật ngôn rằng: thầy Kassappa là bậc có trí tức trong 4 vật dụng, không tìm vật không thích đáng, không được cũng không lo, được cũng không mừng, thấy tội trong sự thọ tứ vật dụng.

– 5 chi của rừng già: **1)** hằng che đậy những kẻ xấu xa tội lỗi được; **2)** là nơi rộng không, khỏi quần chúng; **3)** là nơi vắng lặng; **4)** là nơi tinh khiết; **5)** là nơi cư trú của hàng thánh nhơn.

Người hành đạo phải có 5 đức tính như rừng già là: **1)** phải giữ kín; không nên thổ lộ việc sai lầm của kẻ khác; **2)** là người rộng không khỏi lưới, tức là tình dục, sân hận, si mê, ngã mạng, tà kiến và tất cả phiền não; **3)** là người vắng lặng đối với tất cả ác pháp; **4)** là người đứng đắn, lìa xa tất cả ô uế; **5)** là người thân cận của bậc thánh nhơn, như có Phật ngôn rằng: người có trí tuệ nên thân mật cùng bậc hiền minh.

– 3 chi của loài cây: **1)** hằng trở bông, sanh trái; **2)** có bóng mát cho người nương; **3)** không chọn người nhờ cậy, ai vào nương tựa cũng được.

Người hành đạo cũng vậy, nghĩa là: **1)** phải là người duy trì hoa, tức là sự giải thoát; **2)** phải thiết đãi người thăm viếng, bằng vật dụng và bằng pháp; **3)** phải rải tâm bác ái đến chúng sanh (bằng cách vô tư) như đức Xá Lợi Phất ca tụng Đức Phật rằng: đức Giáo chủ hằng có tâm bình đẳng trong tất cả chúng sanh, như trong Devadatta và Angulimāla v.v...

– 5 chi của mưa: **1)** hằng tẩy bụi, mờ hôi được; **2)** hằng dập tắt sự nóng của đất được; **3)** hằng làm cho hạt giống được đâm mọc; **4)** hằng duy trì thảo mộc v.v... cho nở nang được; **5)** hằng làm cho sông, rạch, bung, hào, đầy nước được.

Hành giả cũng phải có 5 đức tính như mưa là: **1)** phải tẩy bụi, tức là phiền não; **2)** phải dập tắt sự nóng của thế gian, bằng pháp bác ái; **3)** phải làm cho đức tin của người được nảy nở, tăng gia; **4)** phải gìn giữ thiên định đã sanh, cho càng tiến triển; **5)** làm cho mưa, tức là: pháp học, pháp hành, pháp thành và người mong pháp hành cho đầy đủ, như đức Xá Lợi Phất có giảng rằng: đức Chánh Biến Tri, Ngài thấy đáng giác ngộ, dù là đường xa muôn dặm, ngài cũng ngự đến để giác ngộ họ.

– 4 chi của người đi săn: **1)** ngủ ít; **2)** chỉ chú tâm đến thịt; **3)** biết thì giờ nên đi săn; **4)** thấy thú thì định rằng sẽ săn được.

Hành giả cũng như thế, nghĩa là: **1)** phải ngủ ít; **2)** chỉ chú tâm trong một đề mục; **3)** biết thì giờ nên hành thiền, quán tưởng; **4)** phải đề tâm trong thiên định, vui thích trong đề thiền rằng: ta sẽ đạt quả tối thượng như thế.

– 2 chi của thợ mộc: **1)** hằng đẽo cây theo đường mục; **2)** hằng đẽo bỏ cây dác, chỉ để dành cây lõi.

Hành giả phải có 2 chi như vậy, nghĩa là: **1)** nên đứng trên đất, tức là giới, cầm rìu, tức là trí tuệ, bằng tay, tức là đức tin, đẽo cho hết phiền não; **2)** nên đẽo bỏ sự tà kiến, chỉ để dành chánh pháp, như có Phật ngôn rằng: các thầy nên đào bứng bỏ tà kiến và phiền não, đoạn tuyệt phiền não nhỏ, lớn cho tận gốc, là người có trí nhớ kiên cố.

– 4 chi của người bắn cung: **1)** khi bắn thì đứng vững hai chân trên đất, kéo cung cho ngay thẳng, giữ mình cho vững, hai tay cầm cung kiên cố, lấy tên để vào cung, nhắm cho ngay, định rằng sẽ bắn trúng; **2)** tìm cây tốt để dành vót tên cho ngay; **3)** nhắm bắn cho trúng, chỗ đã định; **4)** tập bắn thường trong buổi sáng.

Hành giả phải có 4 đức tính như thế là: **1)** để chân, tức là sự tinh tấn, trên đất, tức là giới, cho vững chắc, trì sự nhẫn nại và sự ôn hoà cho kiên cố, chế ngự lục căn, trừ sự thương và ghét, nên khảo sát kỹ càng trong tâm, đóng chặt lục căn, có trí nhớ, khiến sự ưa thích cho phát sanh rằng: ta sẽ bắn hạ phiến não bằng tên tức là trí tuệ; **2)** niệm tứ niệm xứ, cố gắng luyện tâm cho ngay; **3)** quán tưởng cho thấy rõ thân thể là vô thường, khổ não và vô ngã; **4)** chú tâm quán tưởng mỗi buổi sáng và tối, như đức Xá Lợi Phất có giảng rằng: Người bắn tên, hằng tập bắn trong buổi sáng và chiều, thế nào, hàng Phật tử nên cố gắng tập luyện thân, khẩu, ý, thì sẽ chứng A-la-hán quả.

PHẬT NGÔN

1. Chandajāto anakkhāte.
Manasā ca puṭo siyā
Kāme ca apaṭibaddha citto
Uddhamso to tivuccati.
Nên là người vừa lòng buộc tâm trong Niết-bàn, vì người không có tâm dính mắc trong ngũ dục, gọi là người có dòng nước tâm cao thượng.
2. Amoghaṃ divasaṃ kariyā,
Appena bahukena vā.
Yaṃ yaṃ vivahate ratti.
Tadū nantassa jīvitam.
Người đừng làm cho ngày và đêm vô dụng, dù là ít hoặc nhiều. Vì ngày và đêm qua khỏi người nào, sự sinh tồn của người ấy hằng giảm lần điều lợi ích.
3. Catunnaṃ khu āvuso.
Satipatthānānaṃ bhāvitattā.
Bahulikatattā saddhamma.
Parihānaṃ hoti.
Chánh pháp suy đồi cũng vì tứ chúng không niệm, không thực hành tứ niệm xứ. Trái lại, chánh pháp sẽ chói lợi cũng vì tứ chúng dẫn nhau niệm và thực hành tứ niệm xứ.
4. Yokho ananda bhikkhu vā bhikkhunī vā
upāsakā vā upāsikā vā dhammānu
dhammapaṭipanno vihariti
sāmīcipaṭipanno anudhammacārī so
tathāgataṃ sakkaroti garukaroti māneti
pūjeti paramāya pūjāya.
Này Ananda! Tỳ khuru hoặc tỳ khuru ni, cận sự nam hay cận sự nữ, là người hành pháp hợp với pháp, hành đứng đắn, hành theo xuất thế pháp, người đó gọi là tôn trọng, kính mến, tôn thờ, cúng dường Như Lai bằng cách sùng bái tối thượng.
5. Yāva hi imā catasso parisā maṃ imāya
patipattipūjāya pūjessanti tāva mama
sāsanam nabhamajjhe puṇṇacando viya
virocessati.
Nếu tứ chúng sùng bái Như Lai bằng sự thực hành đến đâu, giáo pháp của Như Lai sẽ tiến triển chói lợi, như vàng trắng rằm long lanh trên giữa không trung đến đó.
6. Bhikkhave mayi saseno tissasadiso
vahotu gandhamālādīhi pūjaṃ karontā
pineva maṃ pujaṃ pūjenti dhammānudhamma
ppaṭipajjamā nāyeva pana maṃ pūjenti.
Này các thầy tỳ khuru! Người có lòng thương ta hãy là người giống như thầy Tissa Thera đi! Dù là tứ chúng sùng bái ta bằng vật thơm và các thứ hoa, cũng chưa gọi là sùng bái cúng dường ta. Phần tứ

7. Vị trời Subarahamādevaputta đến bạch hỏi đức Chánh Biến Tri rằng:

Niccatrastamidaṃ cittaṃ.
Niccabbiggimadaṃ mano.
Anuppannesu kicchesu.
Tathā uppattitesu ca.
Sace atthi anutrastaṃ.
Taṃ me akkhāhi pucchito.

- Phật đáp:

Naññātra bojjhā tapasā.
Nāññātrin driyasamvarā
Nāññātra sabbanissaggā.
Sotthin passāmi pāninaṃ

8. Uṭṭhahatha nisīdatha.
Ko attho supitena vo.
Āturānaṃ hi kā niddā.
Sallaviddhāna ruppataṃ.
Uṭṭhahatha nisīdatha.
Dalhma sikkhatha santiyā.

9. Parittaṃ darumāruyha,
Yathāsīde mahaṇṇave.
Evaṃ kusītamā gamma.
Sādhu jīvīpi sīdati.

10. Bhāsitaṃ buddhaseṭṭhena.
Sabbalokagga vādinā.
Natumhā kamidan rupam.
Taṃ jaheyyātha bhikkhavo.
Aniccā vata saṅkhārā.
Uppādavayadhammino.
Uppajjitvā nirujjhanti.
Tesam vūpasamo sukhati.

chúng thực hành pháp, hợp với pháp đó mới gọi là đã cúng dường ta vậy.

Bạch Phật! Tâm tôi hằng kinh sợ mãi mãi, vì tôi bị khó khăn trong ngày trước và khổ sở mà các thiên nữ của tôi đang gặp. Bạch ngài! Tôi mong biết rằng: nơi nào không có điều đáng lo sợ và nguyên nhân cho thoát ly sự kinh sợ ấy, nơi đó có hay không? Nếu có cầu xin Ngài giảng thuyết cho tôi với.

- Nay Subarahamadevaputta! Trừ sự niệm Thất giác chi (7 bojjaṅga) liên lạc phần đầu có Tứ niệm xứ, trừ có sự tinh tấn trong Tứ chánh cần; trừ sự chế ngự lục căn và trừ Niết-bàn thoát ly tất cả khổ não, Như Lai không thấy pháp nào là cho chúng sanh được hạnh phúc cả.

Các người hãy thức dậy đi! Ngồi đi! Các người nằm mộng có lợi ích gì; vì nhân dân đang hỗn độn, bị tên, tức là nghèo nàn, khổ sở phá hoại. Các người còn ngủ mê làm gì? Hãy thức dậy đi! Các người hãy tu học và thực hành cho đầy đủ, ngõ hầu được sự an ninh.

Dù là người mạnh khỏe, nhưng lười biếng, cũng phải sa đắm, như người ngồi trên khúc gỗ hoặc cục đá, phải sa chìm trong đại hải, hẳn vậy.

Đáng cứu thế, bậc trí tuệ cao quý trong đời, có giảng thuyết với chư tỳ khuru tăng rằng: Nay các tỳ khuru! Người thấy sự kinh sợ trong nẻo luân hồi, rằng thân thể này chẳng phải là của các người, chẳng phải là chính mình, chẳng phải là bản ngã, chẳng ở trong quyền lực sai khiến của ai. Các người hãy bỏ sự ưa thích, hải lòng trong thân thể của các người đi. Tất cả sự tập hợp toàn là vô thường, có sanh và có diệt là tự nhiên, như vậy tất cả tập hợp này, sanh rồi diệt. Niết-bàn là nơi vắng lặng đối với các tập hợp ấy; là hạnh phúc cao siêu.

11. Imasmañ ca kho subhadda dhamma vinaye ariyo atthaṅgiko maggo upalabbhati samanopi tatha upalabbhati ime ca subhadda bhikkhu sammavihareyyun asuñño loko arahantehi assa – Nghĩa: Này Subhadda! Trong giáo pháp này, nếu còn Bát thánh đạo cao quý, đến đâu, dù là đức Tu-đà-huòn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán cũng còn có đến đó... Này Subhadda! Nếu chư tỳ khuru cố gắng dẫn nhau thực hành chân chánh, thế gian cũng chẳng phải không có các bậc A-la-hán.

Trong sumaṅgalavitāsini athakathādīghanikāya pātika aggca quyển 3 trang 111-112 hàng 21 có ghi rằng: **1)** paṭisambhidappattehi vassasahassaṃ aṭṭhāsi: ngàn năm đầu là thời kỳ của các bậc A-la-hán đắc tứ phân tích.; **2)** chaḷabhiññehi vassasahassaṃ: ngàn năm thứ nhì là thời kỳ của chư A-la-hán đắc lục thông; **3)** tevijjehi vassasahassaṃ: ngàn năm thứ 3 là thời kỳ của chư A-la-hán đắc tam thông (minh); **4)** sukkhavipassakehi vassasahassaṃ: ngàn năm thứ 4 là thời kỳ của chư A-la-hán chỉ tu niệm thông tuệ (vipassanā); **5)** pāṭimokkhehi vassasahassaṃ aṭṭhāsi: ngàn năm thứ 5 là thời kỳ của chư Tu-đà-huòn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, như vậy.

12. Sace bhāyetha dukkhassa.

Sace vo dukkhamappiyam.

Mā kattha pāpakam kammaṃ.

Āvi vā yadi vā raho.

Sace ca pāpakam kammaṃ.

Karissatha karotha vā.

Na vo dukkhā muttyatthi.

Upeccāpi palāyatanti.

Bhāsitaṃ buddhaseṭṭhena.

Saccam lokaggavā dinā

Etena saccavajjena.

Sukham hotu nirantaram.

Nếu các người sợ khổ, nếu cảnh khổ không phải là nơi ưa thích của các người, các người đừng làm nghiệp dữ trong nơi trống trải hoặc trong nơi khuất lấp; nếu các người sẽ làm hoặc đang làm ác nghiệp, dù các người chạy trốn, cũng chẳng thoát được khổ đau. Đức Phật là bậc xuất chúng có lý thuyết cao siêu trong đời, đã giảng lưu truyền chân chánh như vậy; do lời chân thật này, xin cho hạnh phúc hãy có đến người, đồng sanh đồng tử trong thế gian cùng nhau liên tiếp.

13. Những điều phải thực hành không thể bỏ qua được, có 3 là: **1)** upanissaya: phải nương vào ông thầy có khả năng; **2)** ārakkha: phải gìn giữ lục căn cho đầy đủ; **3)** upanibandha: buộc tâm đề trong Tứ niệm xứ.

14. Phận sự của hành giả nên thực hành: **1)** phải cố gắng cho có đủ 4 chi, làm cho tâm kiên cố, không thoái bộ, dù cho máu thịt khô héo, chỉ còn da, gân, xương, cũng vậy, ta vẫn vui lòng chịu, để đổi lấy đạo quả Niết-bàn; **2)** nói ít, ăn ít, ngủ ít; **3)** chế ngự mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm (lục căn); **4)** dù làm việc gì, như: đứng, đi, ngồi hoặc nằm phải làm chậm chậm; ở trong hiện tại pháp, cắt đứt quá khứ và vị lai.

15. Những điều nên tránh: **1)** kammārāmatā: ham mê xen vào công việc khác; **2)** niddārāmatā: chỉ mê ngủ; **3)** bhassārāmatā: mê trò chuyện cùng bạn bè; **4)** saṅganikārāmatā: chỉ chung chạ với bạn; **5)** ajuttadvāratā: không chế ngự chân chánh (lục căn); **6)** bhojane amattaññutā: không biệt tiết độ trong thực phẩm; **7)** yathā vimuttam na pacca vekkhati: tâm bất cảnh giới nào không phân biệt trong cảnh giới đó, hoặc tâm buông thả bằng cách nào cũng không phân biệt (thiếu trí nhớ và sự biết mình) phóng tâm.

16. Làm như người mù, câm, điếc.

Người tu pháp thông tuệ (vipassano) để đạt đạo quả Niết-bàn dù là người không mù, không điếc, không câm cũng nên làm như kẻ mù, điếc, câm, như có Palī rằng:

Nibbānagāminīpaṭipadam pudentena pana bhikkhunā

Kayāvankādīni pahātabbāni anandheneva andhena viya

Amugeneva mūgenaviya abbhirenena badhirenaviya bhavituṇ
Vattati asathena amāyena bhavituṇ vattati:

Nghĩa: Tỳ khuru bỏ khuyết điều thực hành cho đến Niết-bàn, phải dứt sự bất chánh, bất lương; nhất là về thân môn, dù là không mù, không điếc, không câm, cũng nên làm như người mù, điếc, câm, phải là người chân thật, không lừa đảo, gian xảo, mới nên.

17. Bốn thời:

Cattāro me bhikkhave kālā sammābhāviyamānā sammā anupari vattiyamānā āsavānam khayam pāpentī, katame cattāro kālena dhammassavanam, kālena dhammasākacchā, kālena samatho, kālena vipassanā ime kho bhikkhave cattāro kālā pāpentī – Nghĩa: Nay các tỳ khuru! 4 thời đó, khi người làm cho phát sanh, cho có, bằng cách chân chánh, thực hành đúng đắn, hằng đạt đến sự tuyệt trừ liên tiếp hoặc phiền não¹⁴ (āsava).

Bốn thời đó là gì? Là: **1)** kālena dhammassavanam: tùy thời nghe pháp; **2)** kālena dhammasākacchā: tùy thời luận đạo; **3)** kālena samatho: tùy thời tham thiền; **4)** kālena vipassanā: tùy thời niệm pháp thông tuệ.

Nay các tỳ khuru! 4 thời đó khi người làm cho phát sanh, cho có bằng cách chân chánh, thực hành đúng đắn, hằng đạt đến sự tuyệt diệu tất cả phiền não.

18. Nay các tỳ khuru! Phước báu trong sự đi kinh hành, có 5 là: **1)** addhānakkhamo hoti: có kiên nhẫn khi đi đường xa; **2)** padhānakkhamo hoti: có kiên nhẫn giữ tâm tinh tấn; **3)** appābādhō hoti: ít có bệnh; **4)** asitam pītam khāyitam sāyitam sammāpariṇāmam gacchati: thực phẩm đã ăn, uống, nếm hằng mau được tiêu hoá; **5)** caṅkamādhigato samādhiciratṭhitiko hoti: thiền định mà người chú tâm đi kinh hành đặc trong giờ đi kinh hành, hằng được bền lâu. Nay các tỳ khuru phước báu trong sự đi kinh hành có 5 như vậy.

– Hết –

¹⁴ phiền não làm cho mê loạn.

CẢM TÁC

Ma vương

Ma vương quá khứ dữ hỡi người ơi!
 Hấn bắt sanh linh quyến luyện đời!
 Nó chính hấn là danh ngũ dục,
 Hay là qui sứ cõi người, trời.
 Thích nó; đắm say mỗi hương, vị,
 Nó khiến say mê chẳng chịu thôi.
 Phật tử ta nay nên tỉnh ngộ,
 Tu hành chánh pháp nguyện không rời.

Ngũ trần

Năm trần tội lỗi quá ai ơi!
 Đeo đẳng, sa mê, mệt cả đời.
 Tưởng đến, lòng mình càng khó chịu,
 Nghe theo, hoạ nó chẳng buông rời.
 Đã đành khổ lắm, đời đa luy,
 Sao nở vui chi mộng nhứt thời.
 Quyển luyện làm gì đồ ngũ dục,
 Năm trần tội lỗi quá ai ơi.

Tự tỉnh

Lâm sơn tịch mịch dễ tu hành,
 Vắng vẻ êm đềm tránh sắc thanh;
 Hợp chỗ tham thiền theo Bát chánh,
 An lòng chế ngự diệt tam bành.
 Ham mê chi tước danh tà nguy;
 Quyển luyện gì quyền lợi mỏng manh.
 Hữu phước nên nay ta ngộ cảnh,
 Lòng thành luyện đạo quả viên thành.